

Phần: 1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm	:	BC 50
Các hình thức nhận dạng khác	:	Không áp dụng.
Cách sử dụng đề xuất	:	Thuốc tẩy.
Các khuyến nghị về hạn chế sử dụng	:	Dùng trong công nghiệp và các lĩnh vực chuyên môn.
Thông tin về sản phẩm pha loãng	:	Thông tin dung dịch pha loãng không được cung cấp.
Công ty	:	CÔNG TY TNHH ECOLAB VIỆT NAM Phòng 8.2 – Tòa nhà ETOWN 2, 364 đường Cộng Hòa Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam +84 28 35285100
Điện thoại khẩn cấp	:	+(84)-444581938
Ngày tháng phát hành đầu tiên	:	30.11.2020

Phần: 2. THÔNG TIN VỀ SỰ NGUY HẠI**Phân loại theo GHS**

Các chất rắn oxy hóa	:	Nhóm 2
Ăn mòn/kích ứng da	:	Nhóm 3
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	:	Nhóm 1
Độc tính thủy sinh lâu dài	:	Nhóm 2

Thành phần nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo các nguy cơ : Có thể gây cháy dữ dội; chất oxy hóa.
Gây kích ứng da nhẹ.
Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Bản tuyên bố các biện pháp phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:

Đề xa nguồn nhiệt. Để/ Lưu trữ xa quần áo/ vật liệu dễ cháy. Đưa ra cảnh báo để tránh trộn lẫn với các chất dễ cháy. Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường. Đeo găng tay bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Sơ cứu/Cấp cứu:

NẾU BAY VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong một vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ. Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế. Trong trường hợp cháy: Sử dụng cát, hóa chất khô hoặc bọt chịu cồn để dập tắt. Thu hồi chất

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

BC 50

trần đổ.

Việc thải bỏ:

Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các nguy cơ khác : Trộn sản phẩm này chung với axit hoặc ammonia sẽ tạo ra khí clo.

Phần: 3. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Đơn chất/Hỗn hợp chất : Hỗn hợp

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ: (%)
Natri troclosene	2893-78-9	15 - 30

Phần: 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt : Ngay lập tức rửa bằng thật nhiều nước, và cả các mí mắt, trong ít nhất 15 phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa. Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Rửa bằng thật nhiều nước.

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Súc miệng. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Chuyển đến nơi thoáng khí. Điều trị theo triệu chứng. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.

Bảo vệ người sơ cứu : Nếu có nguy cơ bị nhiễm thì hãy đọc chương 8 về trang bị bảo hộ cá nhân.

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Điều trị theo triệu chứng.

Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, cả cấp tính và lâu dài : Xem phần 11 để biết thêm thông tin chi tiết về hậu quả và triệu chứng liên quan đến sức khỏe.

Phần: 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện cứu hỏa phù hợp : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp : Được biết là chưa xảy ra.

Các nguy cơ cụ thể khi cứu hỏa : Chất oxy hóa. Tiếp xúc với các vật liệu khác có thể gây cháy.

Các sản phẩm cháy nguy hại : sản phẩm phân hủy bao gồm các chất sau
Carbon ôxit
Ôxit lưu huỳnh
Ôxit photpho

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.

Các phương pháp cứu hỏa : Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

BC 50

cụ thể vào cống thoát nước chung. Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương. Trong trường hợp cháy và/hoặc nổ, không hít thở khói.

Phần: 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Sự phòng ngừa, các thiết bị bảo hộ cá nhân và quy trình ứng phó khẩn cấp : Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Giữ mọi người tránh xa khỏi khu vực hoá chất bị tràn đổ/rò rỉ và tránh hướng gió thổi. Tránh hít phải, nuốt phải hoặc tiếp xúc với da và mắt. Khi công nhân làm việc trong điều kiện nồng độ vượt quá giới hạn phơi nhiễm thì họ phải đeo mặt nạ phòng độc đủ tiêu chuẩn. Việc làm sạch chỉ được thực hiện bởi nhân viên đã huấn luyện Tham khảo các biện pháp bảo hộ liệt kê trong phần 7 và 8.

Các biện pháp phòng ngừa về môi trường : Không để tiếp xúc với đất, nước mặt và nước ngầm.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch : Quét và xúc vào các bình chứa thích hợp để tiêu huỷ.

Phần: 7. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn : Không được hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước. Rửa tay thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất. Không để hóa chất rơi vào mắt, lên da, hoặc quần áo. Trộn sản phẩm này chung với axit hoặc ammonia sẽ tạo ra khí clo.

Các điều kiện lưu giữ an toàn : Để tại nơi mát mẻ và thông gió tốt. Để xa các chất khử. Để xa vật liệu dễ bắt lửa. Để xa tầm tay của trẻ. Đóng chặt thùng chứa. Bảo quản trong thùng chứa phù hợp có dán nhãn.

Nhiệt độ lưu giữ : 0 °C tới 50 °C

Phần: 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Các thành phần có giới hạn kiểm soát nơi làm việc

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Các biện pháp kỹ thuật : Hệ thống ống thông gió hiệu quả. Giữ nồng độ trong không khí thấp hơn tiêu chuẩn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt : Kính bảo hộ
Mạng che mặt

Bảo vệ tay : Mặc những thiết bị bảo hộ cá nhân sau:
Loại găng chuẩn.
Cần loại bỏ và thay thế găng tay nếu thấy bất kỳ dấu hiệu xuống cấp hoặc thủng nào.

Bảo vệ da : Không có yêu cầu đặc biệt nào về thiết bị bảo hộ.

Bảo vệ hô hấp : Thông thường không yêu cầu các thiết bị bảo hộ hô hấp cá nhân.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

BC 50

Các biện pháp vệ sinh : Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp. Cởi và rửa quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. Rửa sạch mặt, tay và bất kỳ phần da nào đã tiếp xúc với hoá chất thật kỹ sau khi thao tác. Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện cho việc làm ướt hoặc dội nước nhanh cho mắt và cơ thể trong trường hợp có tiếp xúc hoặc nguy cơ bị văng hóa chất.

Phần: 9. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	: bột
Màu sắc	: màu trắng
Mùi	: chưa có dữ liệu
Độ pH	: 7.8 - 8.1, 1 %
Điểm chớp cháy	: Không áp dụng.
Ngưỡng mùi	: chưa có dữ liệu
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	: chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu	: chưa có dữ liệu
Tỷ lệ hóa hơi	: chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	: chưa có dữ liệu
Ngưỡng nổ trên	: chưa có dữ liệu
Ngưỡng nổ dưới	: chưa có dữ liệu
Áp suất hơi	: chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	: chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	: chưa có dữ liệu
Khả năng hòa tan trong nước	: hòa tan được
Độ hòa tan trong các dung môi khác	: chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	: chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	: chưa có dữ liệu
Phân hủy do nhiệt	: chưa có dữ liệu
Độ nhớt, động học	: chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	: chưa có dữ liệu
Đặc tính ôxy hóa	: chưa có dữ liệu
Trọng lượng phân tử	: chưa có dữ liệu
VOC	: chưa có dữ liệu

Phần: 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Tính ổn định hóa học : Ổn định trong các điều kiện thông thường.

Khả năng xảy ra các phản : Trộn sản phẩm này chung với axit hoặc ammonia sẽ tạo ra khí clo.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

BC 50

ứng nguy hại

Các điều kiện cần tránh : Được biết là chưa xảy ra.

Các vật liệu xung khắc : Axit
Các kim loại
Các chất hữu cơ
Bazơ

Các sản phẩm phân hủy nguy hại : sản phẩm phân hủy bao gồm các chất sau
Carbon ôxit
Ôxit lưu huỳnh
Ôxit photpho

Phần: 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các con đường : Hít phải, Tiếp xúc với mắt, Tiếp xúc với da
phơi nhiễm có thể.

Các ảnh hưởng tiềm tàng tới sức khỏe

Mắt : Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Da : Gây kích ứng da nhẹ.

Ăn uống : Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không
có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.

Hít phải : Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không
có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.

Phơi nhiễm Mãn tính : Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không
có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.

Kinh nghiệm về phơi nhiễm ở người

Tiếp xúc với mắt : đỏ, Đau, Ăn mòn

Tiếp xúc với da : Kích ứng nhẹ

Nuốt phải : Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.

Hít phải : Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.

Độc tính

Sản phẩm

Độc tính cấp theo đường miệng : Ước lượng độc tính cấp : > 5,000 mg/kg

Độc tính cấp do hít phải : chưa có dữ liệu

Độc tính cấp qua da : chưa có dữ liệu

Kích ứng/ăn mòn da : chưa có dữ liệu

Tổn thương mắt nghiêm trọng/làm rát tấy mắt : chưa có dữ liệu

Nhạy cảm với hô hấp hoặc da : chưa có dữ liệu

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

BC 50

Độc tính gây ung thư	:	chưa có dữ liệu
Các ảnh hưởng tới sinh sản	:	chưa có dữ liệu
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	:	chưa có dữ liệu
Độc tính gây quái thai	:	chưa có dữ liệu
STOT - Tiếp xúc một lần	:	chưa có dữ liệu
STOT - Tiếp xúc lặp lại	:	chưa có dữ liệu
Độc tính hô hấp	:	chưa có dữ liệu

Thành phần

Độc tính cấp qua da	:	Natri troclosene LD50 Thỏ: > 10,000 mg/kg
---------------------	---	--

Phần: 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc sinh thái

Tác động tới môi trường	:	Độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.
-------------------------	---	--

Sản phẩm

Độc đối với cá	:	chưa có dữ liệu
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	:	chưa có dữ liệu
Độc đối với tảo	:	chưa có dữ liệu

Độ bền và khả năng phân hủy

Khả năng phân hủy kém.

Khả năng tích lũy sinh học

chưa có dữ liệu

Lưu động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

Phần: 13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp tiêu hủy	:	Trong trường hợp có thể, việc tái chế được ưu tiên hơn so với việc loại bỏ hoặc thiêu đốt. Nếu việc tái chế là không khả thi, hãy thải loại phù hợp với các quy định địa phương. Loại bỏ chất thải trong một cơ sở xử lý chất thải có giấy phép.
--------------------------	---	--

Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vứt xuống đất.

Các lưu ý về tiêu hủy	:	Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng. Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ. Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng. Thải bỏ phù hợp theo các Quy định của địa phương, bang và liên bang.
-----------------------	---	---

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

BC 50

Phần: 14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Người vận chuyển/người nhận hàng/người gửi hàng chịu trách nhiệm bảo đảm rằng loại bao bì, nhãn và ký hiệu là phù hợp với phương thức vận chuyển đã được chỉ định.

Vận tải mặt đất

Số-UN : 2465
Mô tả hàng hóa : AXIT DICHLOROISOCYANURIC, KHÔ
Hạng : 5.1
Nhóm đóng gói : II
Nguy hại với môi trường : Không

Vận tải đường biển (IMDG/IMO)

Số-UN : 2465
Mô tả hàng hóa : AXIT DICHLOROISOCYANURIC, KHÔ
Hạng : 5.1
Nhóm đóng gói : II
Chất gây ô nhiễm biển : Không

Phần: 15. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

Bảng thống kê TSCA của Mỹ :

Trong danh mục kiểm kê TSCA

Danh sách các chất nội địa của Canada :

Tất cả các thành phần của sản phẩm này đều có trong Danh sách DSL do Canada ban hành

Úc. Luật hóa chất công nghiệp (Sự khai báo và đánh giá)

:
Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

New Zealand. Bảng thống kê các loại hóa chất (NZIoC), được ban hành bởi ERMA New Zealand.

:
Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

Nhật Bản. ENCS - Bảng thống kê các hóa chất mới và hiện tại.

:
Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

Nhật Bản. ISHL - Bảng thống kê các hóa chất (METI) :

Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

Hàn Quốc - Bảng thống kê các hóa chất hiện tại của Hàn Quốc (KECI) :

Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

Bảng thống kê các hóa chất và chất có tính hóa học của Philippines (PICCS)

:
Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

Trung Quốc. Bảng thống kê các hóa chất hiện tại. :

Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

Phần: 16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

BC 50

Ngày tháng phát hành đầu tiên : 30.11.2020
Phiên bản : 1.0A
Chuẩn bị bởi : Regulatory Affairs

THÔNG TIN ĐÃ SỬA ĐỔI: những thay đổi cần thiết đối với quy định hoặc thông tin sức khỏe của bản sửa này được chỉ theo một vạch bên lề trái của MSDS

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.